

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN
GIÁO DỤC HÀ NỘI**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014
(đã được soát xét)

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kết quả công tác soát xét Báo cáo tài chính	04
Báo cáo tài chính đã được soát xét:	05 - 32
Bảng cân đối kế toán	05 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 32



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội được thành lập theo Quyết định số 310/QĐ-TCNS ngày 23/03/2007 của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Nhà Xuất bản Giáo dục.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tòa nhà Văn phòng HEID, ngõ 12 Láng Hạ, Thành Công, Ba Đình, Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Ngô Trần Ái	Chủ tịch danh dự
Ông Mạc Văn Thiện	Chủ tịch
Ông Vũ Bá Khánh	Phó chủ tịch
Bà Trần Thị Như Hà	Thành viên
Bà Dương Thị Việt Hà	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Vũ Bá Khánh	Tổng Giám đốc
Bà Trần Thị Như Hà	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Quốc Hồng	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Đỗ Thị Phương	Trưởng ban
Bà Phí Ngọc Uyên	Thành viên
Ông Phạm Văn Cẩn	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu



Số: 1352 /2014/BC.KTTC-AASC.KT5

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: **Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Bảng cân đối kế toán của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội tại ngày 30/06/2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Cát Thị Hà
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0725-2013-002-1
Hà Nội, ngày 25 tháng 08 năm 2014

Nguyễn Trường Minh
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 2290-2013-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2014	01/01/2014
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		207.057.680.121	168.442.955.969
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	6.823.808.329	22.189.462.599
111	1. Tiền		6.823.808.329	9.189.462.599
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	13.000.000.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	4	12.542.900	8.989.900
121	1. Đầu tư ngắn hạn		118.776.400	118.776.400
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(106.233.500)	(109.786.500)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		96.636.179.406	56.537.924.073
131	1. Phải thu khách hàng		93.907.039.611	36.449.454.485
132	2. Trả trước cho người bán		8.306.711.183	24.672.932.340
135	3. Các khoản phải thu khác	5	968.518.150	490.191.586
139	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(6.546.089.538)	(5.074.654.338)
140	IV. Hàng tồn kho	6	92.752.174.698	73.816.392.001
141	1. Hàng tồn kho		99.974.562.706	80.311.559.002
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(7.222.388.008)	(6.495.167.001)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		10.832.974.788	15.890.187.396
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	7	8.646.466.561	15.405.049.896
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		1.438.113.989	-
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	8	642.194.238	7.843.000
158	4. Tài sản ngắn hạn khác	9	106.200.000	477.294.500

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014

(tiếp theo)

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2014	01/01/2014
			VND	VND
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		150.740.762.543	145.514.520.894
220	I. Tài sản cố định		3.701.576.179	3.345.598.227
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	756.626.179	920.648.227
222	- Nguyên giá		3.742.595.211	3.742.595.211
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(2.985.969.032)	(2.821.946.984)
230	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	2.944.950.000	2.424.950.000
250	II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	12	142.635.750.000	141.993.750.000
251	1. Đầu tư vào công ty con		125.000.000.000	125.000.000.000
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		12.885.750.000	12.243.750.000
258	3. Đầu tư dài hạn khác		4.750.000.000	4.750.000.000
260	III. Tài sản dài hạn khác		4.403.436.364	175.172.667
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	4.363.636.364	135.372.667
268	2. Tài sản dài hạn khác		39.800.000	39.800.000
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		357.798.442.664	313.957.476.863

11105
 CÔNG T
 CH NHIỆM
 HNG KIP
 AA
 HOÀN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2014	01/01/2014
			VND	VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		153.335.335.779	109.956.807.680
310	I. Nợ ngắn hạn		143.335.335.779	99.956.807.680
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	14	67.532.169.820	54.425.076.734
312	2. Phải trả người bán		41.946.599.154	23.410.631.577
313	3. Người mua trả tiền trước		168.899.704	682.021.267
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	4.813.866.906	572.958.902
315	5. Phải trả người lao động		6.685.289.082	3.855.302.703
316	6. Chi phí phải trả	16	3.817.343.004	2.656.004.108
317	7. Phải trả nội bộ	17	15.408.210.314	13.323.679.404
319	8. Các khoản phải trả, phải nộp khác	18	861.263.315	660.337.231
323	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		2.101.694.480	370.795.754
330	II. Nợ dài hạn		10.000.000.000	10.000.000.000
334	1. Vay và nợ dài hạn	19	10.000.000.000	10.000.000.000
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		204.463.106.885	204.000.669.183
410	I. Vốn chủ sở hữu	20	204.463.106.885	204.000.669.183
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		150.000.000.000	150.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		24.166.950	24.166.950
414	3. Cổ phiếu quỹ		(3.200.876.950)	(3.200.876.950)
417	4. Quỹ đầu tư phát triển		8.827.741.301	7.062.829.000
418	5. Quỹ dự phòng tài chính		17.095.798.400	13.721.825.214
419	6. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		8.853.586.940	7.166.600.347
420	7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		22.862.690.244	29.226.124.622
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		357.798.442.664	313.957.476.863



Vũ Bá Khánh
 Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2014

Dương Thị Việt Hà
 Kế toán trưởng

Nguyễn Phong Yên
 Người lập

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21	212.287.878.754	229.126.438.843
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	22	1.362.581.486	899.078.118
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	23	210.925.297.268	228.227.360.725
11	4. Giá vốn hàng bán	24	158.340.270.745	174.798.336.749
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		52.585.026.523	53.429.023.976
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	25	335.717.595	308.239.962
22	7. Chi phí tài chính	26	4.900.416.637	5.082.218.152
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		3.737.269.369	4.713.388.248
24	8. Chi phí bán hàng	27	15.222.631.508	12.509.578.063
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	28	8.478.996.773	9.650.954.020
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		24.318.699.200	26.494.513.703
31	11. Thu nhập khác		-	14.582.400
32	12. Chi phí khác		300.000	-
40	13. Lợi nhuận khác		(300.000)	14.582.400
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		24.318.399.200	26.509.096.103
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	29	5.331.901.719	2.965.127.602
60	16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		18.986.497.481	23.543.968.501



Trần Bá Khánh
 Tổng Giám đốc
 Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2014

(Handwritten signature)

Dương Thị Việt Hà
 Kế toán trưởng

(Handwritten signature)

Nguyễn Phong Yên
 Người lập

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		112.007.540.287	181.028.602.330
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(108.898.528.901)	(169.621.486.982)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(10.990.933.683)	(10.113.010.055)
04	4. Tiền chi trả lãi vay		(3.742.637.677)	(4.850.097.465)
05	5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp		(1.374.401.786)	(1.087.681.232)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		3.273.278.276	3.938.481.338
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(5.476.384.517)	(3.739.075.637)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(15.202.068.001)	(4.444.267.703)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(520.000.000)	(65.355.000)
27	2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		207.717.595	226.326.656
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(312.282.405)	160.971.656
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		94.853.423.028	99.639.285.477
34	2. Tiền chi trả nợ gốc vay		(81.746.329.942)	(80.122.303.474)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(12.958.396.950)	(18.939.180.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		148.696.136	577.802.003
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(15.365.654.270)	(3.705.494.044)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		22.189.462.599	22.046.361.132
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	6.823.808.329	18.340.867.088



Vũ Bá Khánh
 Tổng Giám đốc
 Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2014

D772

Dương Thị Việt Hà
 Kế toán trưởng

Nguyễn Phong Yên

Nguyễn Phong Yên
 Người lập

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

1. THÔNG TIN CHUNG

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội được thành lập theo Quyết định số 310/QĐ-TCNS ngày 23/03/2007 của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Nhà Xuất bản Giáo dục.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại : Tòa nhà Văn phòng HEID, ngõ 12 Láng Hạ, Thành Công, Ba Đình, Hà Nội. Vốn điều lệ của Công ty là 150.000.000.000 VND. Tương đương 15.000.000 cổ phần; Mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Thông tin về các công ty con, công ty liên kết của Công ty: xem chi tiết tại Thuyết minh số 12.

Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy Chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp Công ty cổ phần đăng ký thay đổi lần 3 số 0102222393 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 20/09/2010, hoạt động chính của Công ty là:

- Phát hành xuất bản phẩm;
- In và các dịch vụ liên quan đến in;
- In và phát hành hỗ trợ sách giáo khoa, sách tham khảo chất lượng cao, các sản phẩm giáo dục theo hướng đổi mới phương pháp dạy học, tự học và các loại sản phẩm giáo dục khác;
- Kinh doanh các sản phẩm thiết bị giáo dục, thiết bị văn phòng, các phần mềm giáo dục, văn phòng phẩm, vở học sinh, quần áo, đồng phục cho học sinh và lịch các loại;
- Dịch vụ tư vấn, đầu tư, chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực giáo dục đào tạo, tư vấn du học, lập dự án đào tạo;
- Khai thác, cung cấp dịch vụ giáo dục, đào tạo qua mạng internet, qua các phương tiện viễn thông;
- Thiết kế mỹ thuật, chế bản, tạo mẫu in (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);
- Dịch vụ dịch thuật, phiên dịch, biên dịch và mua bán bản quyền tác giả;
- Tư vấn và cung cấp dịch vụ biên soạn, thiết kế nội dung chương trình dạy học, phòng học chuyên dùng và phương tiện dạy học;
- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, cơ sở hạ tầng, khu đô thị;
- Quản lý, vận hành công trình dân dụng, công nghiệp, nhà ở, khu văn phòng, khu đô thị, khu chung cư, khu công nghiệp, khu du lịch, trung tâm thương mại (không bao gồm kinh doanh bất động sản);
- Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hóa;
- Dịch vụ ủy thác xuất, nhập khẩu;
- Xuất nhập khẩu các sản phẩm, hàng hóa Công ty kinh doanh.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

2.3. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.5. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang: chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được xác định theo giá trị nguyên vật liệu đã xuất và đang còn tồn tại các đơn vị nhận gia công.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.7. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- | | |
|-----------------------------------|-------------|
| - Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 06 - 10 năm |
| - Thiết bị, dụng cụ quản lý | 03 - 05 năm |

2.8. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày công ty mẹ nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của công ty mẹ. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày đầu tư được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Kỳ phiếu, tín phiếu kho bạc, tiền gửi ngân hàng có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán: nếu chứng khoán đã được niêm yết thì giá trị thị trường được tính theo giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) hoặc giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE); nếu chứng khoán chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán thì giá trị thị trường được xác định theo giá giao dịch bình quân trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) tại ngày lập dự phòng hoặc giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi ba công ty chứng khoán tại thời điểm lập dự phòng. Trường hợp không thể xác định được giá thị trường của chứng khoán thì Công ty không trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán. Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi thì giá trị thị trường là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất.
- Đối với các khoản đầu tư dài hạn vào tổ chức kinh tế: mức trích lập dự phòng được xác định dựa vào báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của tổ chức kinh tế.

2.9. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

2.10. Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính. Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.11. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

2.12. Các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chi những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

2.13. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.14. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.15. Ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.16. Các khoản thuế

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ tính thuế năm.

3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tiền mặt	447.736.414	377.998.279
Tiền gửi ngân hàng	6.376.071.915	8.811.464.320
Các khoản tương đương tiền	-	13.000.000.000
	6.823.808.329	22.189.462.599

4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Chứng khoán đầu tư ngắn hạn	118.776.400	118.776.400
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(106.233.500)	(109.786.500)
	12.542.900	8.989.900

	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
	CP	VND	CP	VND
Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn		118.776.400		118.776.400
- LSS	625	21.500.000	625	21.500.000
- QNC	8	276.400	8	276.400
- PHH	800	22.400.000	800	22.400.000
- STL	1.500	74.600.000	1.500	74.600.000
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(106.233.500)		(109.786.500)
		12.542.900		8.989.900

5. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Phải thu khác	968.518.150	490.191.586
- Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	-	14.500.000
- Phải thu Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Đường sắt	342.200.000	-
- Phải thu các đối tượng khác	626.318.150	475.691.586
	968.518.150	490.191.586

6. HÀNG TỒN KHO

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	35.010.520.497	40.970.008.271
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	7.554.346.863	5.514.912.845
Thành phẩm	42.092.914.507	19.328.108.488
Hàng hoá	14.066.173.852	12.680.691.607
Hàng gửi đi bán	1.250.606.987	1.817.837.791
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(7.222.388.008)	(6.495.167.001)
	92.752.174.698	73.816.392.001

7. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
	VND	VND
Số dư đầu năm	15.405.049.896	6.997.596.320
Số tăng trong kỳ	17.379.549.208	18.935.248.908
Số đã kết chuyển vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ	(24.138.132.543)	(20.075.422.060)
Số dư cuối kỳ	8.646.466.561	5.857.423.168

Trong đó chi tiết số dư cuối kỳ bao gồm:

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ chờ phân bổ ^[1]	4.783.068.165	4.255.777.825
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	5.197.410	16.000.613
Chi phí thuê cửa hàng, thuê kho chờ phân bổ	1.404.058.073	2.740.671.458
Chi phí bán thảo, chi phí quản lý xuất bản chờ phân bổ ^[2]	2.454.142.913	8.392.600.000
	8.646.466.561	15.405.049.896

^[1]Riêng đối với thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ được phân bổ vào giá vốn hàng bán căn cứ theo tỷ lệ giữa Giá vốn hàng bán/ (Giá vốn hàng bán + Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ).

^[2]Trong đó, phí quản lý xuất bản được ghi nhận căn cứ theo hóa đơn tài chính của Công ty TNHH Một Thành viên Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam và được phân bổ vào giá thành căn cứ vào số lượng sách in nhập kho trong kỳ.

8. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	72.238.686	-
Thuế thu nhập cá nhân	559.112.552	-
Các khoản khác phải thu Nhà nước	10.843.000	7.843.000
	642.194.238	7.843.000

9. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tạm ứng	106.200.000	175.779.000
Các khoản thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	301.515.500
	106.200.000	477.294.500

10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	3.419.889.480	322.705.731	3.742.595.211
Số tăng trong kỳ	-	-	-
Số giảm trong kỳ	-	-	-
Số dư cuối kỳ	3.419.889.480	322.705.731	3.742.595.211
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	2.593.993.767	227.953.217	2.821.946.984
Số tăng trong kỳ	139.992.888	24.029.160	164.022.048
- Khấu hao trong kỳ	139.992.888	24.029.160	164.022.048
Số giảm trong kỳ	-	-	-
Số dư cuối kỳ	2.733.986.655	251.982.377	2.985.969.032
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	825.895.713	94.752.514	920.648.227
Tại ngày cuối kỳ	685.902.825	70.723.354	756.626.179

Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 1.918.505.588 VND.

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang		
- Dự án nhà kho tại Xã Tiên Dương - Đông Anh - Hà Nội ^[1]	2.644.950.000	2.124.950.000
- Dự án Trung tâm xuất bản - Phát hành Sách giáo khoa ^[2]	300.000.000	300.000.000
	2.944.950.000	2.424.950.000

^[1]Theo Hợp đồng góp vốn số 47/2010/HĐGV ngày 15/07/2010 theo hình thức tài sản đồng kiểm soát giữa Công ty Cổ phần in Sách giáo khoa tại TP Hà Nội và các bên là: Công ty Cổ phần Học liệu Giáo dục tại Hà Nội; Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội; Công ty Cổ phần Sách Thiết bị Giáo dục Miền Bắc; Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại TP Hà Nội đã thống nhất thực hiện góp vốn để cùng thực hiện Dự án xin cấp đất mở rộng mặt bằng sản xuất. Theo đó, Công ty Cổ phần In Sách Giáo khoa tại Thành phố Hà Nội là đơn vị đại diện thực hiện các thủ tục và theo dõi chi phí của dự án.

- Địa điểm thực hiện tại: Xã Tiên Dương - Huyện Đông Anh - TP Hà Nội;
- Diện tích khu đất là 7.662 m²;
- Mục đích sử dụng đất: Dùng làm kho, xưởng sản xuất của các bên liên quan;
- Tổng vốn góp dự kiến: 7.662.000.000 VND, trong đó: phần góp vốn của Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội là 25% tương đương: 1.915.500.000 VND;
- Theo hợp đồng này Công ty đã thực hiện góp 90% số tiền theo yêu cầu của hợp đồng, tương ứng là 1.723.950.000 VND.

Trong năm 2013, Theo Biên bản họp ngày 06/06/2013 giữa 5 công ty trên đã thống nhất: Tiếp tục thực hiện Dự án và cùng nhau đóng góp kinh phí để thực hiện các giai đoạn còn lại của Dự án; Riêng phần tham gia đầu tư của Công ty Cổ phần Học liệu Giáo dục Hà Nội sẽ chuyển giao lại toàn bộ cho Công ty TNHH Một Thành viên Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam; Đồng ý ký kết hợp đồng với Công ty Cổ phần Đầu tư IP Việt Nam để thực hiện dịch vụ xin cấp Giấy chứng nhận đầu tư và Giấy phép xây dựng cho Dự án. Sau khi ký kết Biên bản này, thực hiện theo các Công văn phân bổ kinh phí của Công ty Cổ phần In Sách Giáo khoa tại Thành phố Hà Nội, Công ty đã ứng tiếp số tiền thực hiện dự án là 401.000.000 VND.

Trong 6 tháng đầu năm 2014, Công ty đã ứng tiếp số tiền thực hiện dự án là 520.000.000 VND. Tại thời điểm 30/06/2014, tổng số kinh phí mà Công ty đã đóng góp để thực hiện dự án là 2.644.950.000 VND.

^[2]Theo Hợp đồng góp vốn số 1B/2010/HĐGV ngày 08/07/2010 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội với Công ty TNHH Một Thành viên Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam đã thống nhất thực hiện góp vốn để cùng đầu tư xây dựng công trình cao tầng tại Quận Cầu Giấy, Hà Nội thuộc Dự án "Xây dựng Trung tâm xuất bản - Phát hành Sách giáo khoa".

12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Đầu tư vào công ty con	125.000.000.000	125.000.000.000
Công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành Công	125.000.000.000	125.000.000.000
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	12.885.750.000	12.243.750.000
Công ty Cổ phần Sách Thiết bị trường học Hà Tây	12.243.750.000	12.243.750.000
Công ty Cổ phần Sách dịch và Từ điển Giáo dục ⁽¹⁾	642.000.000	-
Đầu tư dài hạn khác	4.750.000.000	4.750.000.000
Công ty Cổ phần Thiết bị Giáo dục II	3.000.000.000	3.000.000.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Phát triển Xuất bản Giáo dục Hà Nội	750.000.000	750.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Tia Sáng mới	1.000.000.000	1.000.000.000
	142.635.750.000	141.993.750.000

⁽¹⁾Theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 01/2014/HĐCN ngày 08/03/2014 và Giấy Chuyển nhượng sở hữu Cổ phần ngày 08/03/2014, Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam đã chuyển nhượng cho Công ty 60.000 cổ phần tại Công ty Cổ phần Sách dịch và Từ điển Giáo dục, với giá bán là 10.700 VND/cổ phần.

Đầu tư vào công ty con

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty vào ngày 30/06/2014 như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	TL biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành Công	Hà Nội	100%	100%	Kinh doanh Bất động sản

Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Công ty vào ngày 30/06/2014 như sau:

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	TL biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Sách Thiết bị trường học Hà Tây	Hà Nội	40,24%	40,24%	Kinh doanh sách, thiết bị trường học
Công ty Cổ phần Sách dịch và Từ điển Giáo dục	Hà Nội	22,47%	22,47%	Dịch thuật, biên soạn và kinh doanh thiết bị giáo dục

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
	VND	VND
Số dư đầu năm	135.372.667	-
Số tăng trong kỳ	4.363.636.364	812.236.000
Số đã kết chuyển vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ	(135.372.667)	(270.745.333)
Số dư cuối kỳ	4.363.636.364	541.490.667

Trong đó chi tiết số dư cuối kỳ bao gồm:

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Chi phí lắp đặt hệ thống văn phòng làm việc	-	135.372.667
Chi phí thuê kho ^[1]	4.363.636.364	-
	4.363.636.364	135.372.667

^[1]Đây là chi phí thuê kho Bộ tổng Tham mưu trả trước cho nhiều năm theo hợp đồng thuê kho số 137/HĐKT ngày 09/12/2013 và Phụ lục hợp đồng số 137/PLHĐKT ngày 01/06/2014.

14. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Vay ngắn hạn ngân hàng	67.532.169.820	54.425.076.734
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hà Nội ^[1]	67.532.169.820	44.870.370.955
- Ngân hàng TNHH MTV HSBC - CN Hà Nội	-	9.554.705.779
	67.532.169.820	54.425.076.734

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

^[1]Hợp đồng tín dụng số 01/2013/HĐ TDHM-HEID ngày 03/05/2013 giữa bên cho vay là Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội với các điều khoản cụ thể sau:

- Hạn mức tín dụng: 100.000.000.000 VND;
- Mục đích sử dụng tiền vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh;
- Thời hạn cho vay được quy định trên từng giấy nhận nợ nhưng tối đa là 9 tháng;
- Lãi suất được quy định cụ thể trên từng giấy nhận nợ;
- Phương thức cho vay: Theo Hạn mức tín dụng;
- Phương thức đảm bảo tiền vay là tín chấp.
- Số dư nợ gốc tại 30/06/2014 là: 67.532.169.820 VND.

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	178.894.555
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.230.151.719	272.651.786
Thuế thu nhập cá nhân	583.715.187	121.412.561
	4.813.866.906	572.958.902

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Trích trước chi phí lãi vay phải trả	104.415.212	109.783.520
Trích trước chi phí tổ chức bán thảo, quản lý xuất bản	424.457.344	773.705.829
Trích trước chi phí tăng chiết khấu phát hành, thanh toán nhanh ^[1]	1.476.994.400	759.900.728
Trích trước chi phí phải trả cho nhà in gia công	192.500.000	-
Trích trước chi phí vận chuyển	1.205.312.411	867.614.031
Chi phí thuê kho	268.663.637	-
Chi phí phải trả khác	145.000.000	145.000.000
	3.817.343.004	2.656.004.108

^[1]Trong 6 tháng đầu năm 2014, Công ty thực hiện trích trước chi phí phát hành sách giáo khoa và thiết bị tiếng Anh theo Công văn của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

17. PHẢI TRẢ NỘI BỘ NGẮN HẠN

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành Công	15.408.210.314	13.323.679.404
	15.408.210.314	13.323.679.404

Công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành Công là Công ty con của Công ty (xem thêm tại Thuyết minh số 12). Các khoản công nợ của Công ty này liên quan đến kinh phí hoạt động được Công ty theo dõi riêng trên khoản mục Phải trả nội bộ ngắn hạn để phục vụ cho việc theo dõi và quản lý tài chính.

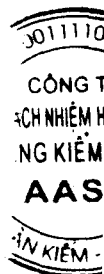
18. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	508.238.195	353.727.602
Bảo hiểm xã hội	61.147.419	-
Bảo hiểm y tế	10.570.197	-
Bảo hiểm thất nghiệp	4.697.875	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	276.609.629	306.609.629
- Phải trả khác	276.609.629	306.609.629
	861.263.315	660.337.231

19. VAY DÀI HẠN VÀ NỢ DÀI HẠN

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Vay dài hạn ngân hàng	10.000.000.000	10.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Hà Nội ^[1]	10.000.000.000	10.000.000.000
	10.000.000.000	10.000.000.000

Thông tin chi tiết liên quan đến vay dài hạn như sau:



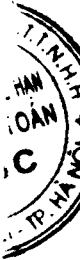
19. VAY DÀI HẠN VÀ NỢ DÀI HẠN

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Vay dài hạn ngân hàng	10.000.000.000	10.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Hà Nội ^[1]	10.000.000.000	10.000.000.000
	<u>10.000.000.000</u>	<u>10.000.000.000</u>

Thông tin chi tiết liên quan đến vay dài hạn như sau:

^[1]Hợp đồng tín dụng số 02-2012/HĐ TDHM-HEID ngày 20/04/2012 giữa bên cho vay là Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội với các điều khoản cụ thể sau:

- Hạn mức tín dụng: 60.000.000.000 VND;
- Thời hạn cho vay: 60 tháng;
- Mục đích sử dụng tiền vay: Mua lại 100% vốn của Công ty TNHH Một thành viên Hồng Hà Thành Công;
- Phương thức áp dụng lãi suất cho vay: Lãi suất thả nổi;
- Tài sản đảm bảo gồm: Tòa nhà K3B Thành Công tại địa chỉ K3B ngõ 6A, phường Thành Công, Quận Ba Đình, Hà Nội thuộc sở hữu của Công ty TNHH Một thành viên Hồng Hà Thành Công. Giá trị tài sản đảm bảo: 87.959.857.253 VND; Quyền phải thu từ hợp đồng cho thuê văn phòng của Công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành Công và toàn bộ phần vốn góp của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội tại Công ty TNHH Một thành viên Hồng Hà Thành Công, giá trị: 110.000.000.000 VND;
- Số dư nợ gốc tại ngày 30/06/2014: 10.000.000.000 VND.



20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của CSH	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn CSH	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	150.000.000.000	24.166.950	(3.200.876.950)	4.118.859.101	10.595.660.942	5.603.518.211	35.137.835.478	202.279.163.732
Lãi trong kỳ trước	-	-	-	-	-	-	23.543.968.501	23.543.968.501
Trả cổ tức năm 2012 bằng tiền mặt	-	-	-	-	-	-	(18.939.180.000)	(18.939.180.000)
Phân phối quỹ	-	-	-	2.943.969.899	3.126.164.272	1.563.082.136	(7.633.216.307)	-
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(3.126.164.270)	(3.126.164.270)
Trả thù lao của Hội đồng quản trị, BKS	-	-	-	-	-	-	(1.563.082.138)	(1.563.082.138)
Số dư cuối kỳ trước tại ngày 30/06/2013	150.000.000.000	24.166.950	(3.200.876.950)	7.062.829.000	13.721.825.214	7.166.600.347	27.420.161.264	202.194.705.825
Số dư đầu năm nay	150.000.000.000	24.166.950	(3.200.876.950)	7.062.829.000	13.721.825.214	7.166.600.347	29.226.124.622	204.000.669.183
Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	-	-	18.986.497.481	18.986.497.481
Chia cổ tức năm 2013	-	-	-	-	-	-	(13.463.100.000)	(13.463.100.000)
Trích lập các quỹ	-	-	-	1.764.912.301	3.373.973.186	1.686.986.593	(6.825.872.080)	-
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(3.373.973.186)	(3.373.973.186)
Trả thù lao của Hội đồng quản trị, BKS	-	-	-	-	-	-	(1.686.986.593)	(1.686.986.593)
Số dư cuối kỳ này tại ngày 30/06/2014	150.000.000.000	24.166.950	(3.200.876.950)	8.827.741.301	17.095.798.400	8.853.586.940	22.862.690.244	204.463.106.885



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội

Địa chỉ: Tòa nhà HEID, ngõ 12 Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

Căn cứ theo Nghị quyết số 03-2014/NQ-ĐHĐCĐ ngày 11/04/2014 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014, Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận như sau:

	Tỷ lệ %	Số tiền VND
Kết quả kinh doanh sau thuế		33.739.731.859
Chi trả cổ tức ^[1]	15%/Cổ phần	21.852.900.000
Trích Quỹ Dự phòng tài chính	10%	3.373.973.186
Trích bổ sung vốn điều lệ	5%	1.686.986.593
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	10%	3.373.973.186
Trích quỹ điều hành của HĐQT, Ban kiểm soát	5%	1.686.986.593
Trích Quỹ Đầu tư phát triển	Lợi nhuận còn lại	1.764.912.301

^[1]Trong đó, cổ tức đã tạm ứng cho Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục trong năm 2013 là 8.389.800.000 VND, cổ tức của các Chủ sở hữu khác đã được Công ty thanh toán bằng tiền mặt trong 6 tháng đầu năm 2014.

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/06/2014 VND	Tỷ lệ %	01/01/2014 VND	Tỷ lệ %
Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	55.932.000.000	37,29%	55.932.000.000	37,29%
Peter Eric Dennis	7.327.000.000	4,88%	-	0,00%
Các đối tượng khác	82.427.000.000	54,95%	89.754.000.000	59,84%
Cổ phiếu quỹ	4.314.000.000	2,88%	4.314.000.000	2,88%
Cộng	150.000.000.000	100,00%	150.000.000.000	100,00%

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	6 tháng đầu năm 2014 VND	6 tháng đầu năm 2013 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	150.000.000.000	150.000.000.000
- <i>Vốn góp tăng trong kỳ</i>	-	-
- <i>Vốn góp giảm trong kỳ</i>	-	-
- <i>Vốn góp cuối kỳ</i>	150.000.000.000	150.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	13.463.100.000	18.939.180.000
- <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	13.463.100.000	18.939.180.000

d) Cổ phiếu

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	15.000.000	15.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	15.000.000	15.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	15.000.000	15.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	431.400	431.400
- Cổ phiếu phổ thông	431.400	431.400
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	14.568.600	14.568.600
- Cổ phiếu phổ thông	14.568.600	14.568.600
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND		

e) Các quỹ của công ty

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
- Quỹ đầu tư phát triển	8.827.741.301	7.062.829.000
- Quỹ dự phòng tài chính	17.095.798.400	13.721.825.214
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	8.853.586.940	7.166.600.347
	34.777.126.641	27.951.254.561

21. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	212.287.878.754	229.126.438.843
- Doanh thu sách giáo khoa, sách bổ trợ	123.672.863.274	135.079.197.369
- Doanh thu lịch Block	1.127.354.753	1.958.224.432
- Doanh thu sách tham khảo	29.362.141.662	25.837.248.144
- Doanh thu nhượng bán vật tư	36.376.647.964	47.622.316.201
- Doanh thu thiết bị giáo dục, hàng khai thác ngoài, khác	21.748.871.101	18.629.452.697
	212.287.878.754	229.126.438.843

22. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	865.917.090	588.996.467
Hàng bán bị trả lại	496.664.396	310.081.651
	1.362.581.486	899.078.118

23. DOANH THU THUẦN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	210.925.297.268	228.227.360.725
- Doanh thu sách giáo khoa, sách bổ trợ	122.221.370.152	134.722.929.199
- Doanh thu lịch Block	1.127.354.753	1.958.224.432
- Doanh thu sách tham khảo	29.451.715.562	25.305.346.926
- Doanh thu nhượng bán vật tư	36.376.647.964	47.622.316.201
- Doanh thu thiết bị giáo dục, hàng khai thác ngoài, khác	21.748.208.837	18.618.543.967
	210.925.297.268	228.227.360.725

24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
	VND	VND
Giá vốn của hàng hoá, thành phẩm đã bán	157.613.049.738	174.097.728.950
- Giá vốn sách giáo khoa, sách bổ trợ	90.877.413.390	99.624.723.905
- Giá vốn lịch Block	1.413.194.386	2.093.735.936
- Giá vốn sách tham khảo	17.092.309.006	13.931.904.079
- Giá vốn nhượng bán vật tư	36.622.465.814	46.234.663.385
- Giá vốn thiết bị giáo dục, hàng khai thác ngoài, khác	11.607.667.142	12.212.701.645
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	727.221.007	700.607.799
	158.340.270.745	174.798.336.749

25. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	192.434.805	118.630.056
Cổ tức, lợi nhuận được chia	142.782.290	45.946.600
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	500.500	-
Lãi bán hàng trả chậm	-	143.663.306
	335.717.595	308.239.962

26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
	VND	VND
Lãi tiền vay	3.737.269.369	4.713.388.248
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	1.166.346.600	1.515.563.986
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	(3.553.000)	(1.147.789.289)
Chi phí tài chính khác	353.668	1.055.207
	4.900.416.637	5.082.218.152

27. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	62.290.056	56.486.979
Chi phí nhân công	8.653.225.695	7.660.931.365
Chi phí khấu hao tài sản cố định	93.364.326	124.147.718
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.312.274.947	4.573.373.852
Chi phí khác bằng tiền	101.476.484	94.638.149
	15.222.631.508	12.509.578.063

28. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	257.648.361	314.208.601
Chi phí nhân công	3.537.285.069	2.993.938.312
Chi phí khấu hao tài sản cố định	70.657.722	143.553.912
Chi phí dự phòng	1.471.435.200	1.190.437.073
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.983.587.663	3.309.331.368
Chi phí khác bằng tiền	1.158.382.758	1.699.484.754
	8.478.996.773	9.650.954.020

29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
	VND	VND
Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	24.318.399.200	26.509.096.103
Các khoản điều chỉnh tăng	60.299.994	69.999.995
Các khoản điều chỉnh giảm	(142.782.290)	(45.946.600)
Thu nhập chịu thuế TNDN	24.235.916.904	26.533.149.498
Chi phí thuế TNDN hiện hành 10% ^[1]	-	2.453.097.615
Chi phí thuế TNDN hiện hành 25%	-	512.029.987
Chi phí thuế TNDN hiện hành 22%	5.331.901.719	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	5.331.901.719	2.965.127.602
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	272.651.786	(3.453.575.842)
Thuế TNDN đã nộp trong kỳ	(1.374.401.786)	(1.087.681.232)
Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ	4.230.151.719	(1.576.129.472)

^[1]Theo hướng dẫn của Thông tư 123/2012/TT-BTC ngày 27/07/2012 thì phần thu nhập của Công ty có được từ hoạt động xuất bản theo quy định của Luật Xuất bản sẽ được hưởng thuế suất ưu đãi 10% trong suốt thời gian hoạt động. Đồng thời, Tại Công văn số 6833/BTC-CST ngày 29/05/2013 của Bộ Tài chính về thuế TNDN đối với hoạt động

xuất bản theo quy định của Luật Xuất bản thì các đơn vị thành viên của Công ty TNHH Một Thành viên Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam có thu nhập từ hoạt động xuất bản theo quy định của Luật Xuất bản bằng việc thực hiện các công đoạn hoặc từng công đoạn của hoạt động xuất bản thì khoản thu nhập này được áp dụng thuế suất thuế TNDN là 10%.

Tuy nhiên, Theo hướng dẫn của Thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18/06/2014 hướng dẫn thi hành nghị định 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định và Hướng dẫn thi hành Luật thuế TNDN có hiệu lực áp dụng cho năm tài chính 2014 thì phần thu nhập nêu trên của Công ty chịu thuế suất thuế TNDN là 22%.

30. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	74.129.812.727	78.465.609.696
Chi phí nhân công	12.190.510.764	10.654.869.677
Chi phí khấu hao tài sản cố định	164.022.048	267.701.630
Chi phí dự phòng	1.471.435.200	1.190.437.073
Chi phí dịch vụ mua ngoài	55.274.545.602	49.314.293.255
Chi phí khác bằng tiền	1.259.859.242	1.794.122.903
	144.490.185.583	141.687.034.234

31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty

	Giá trị sổ kế toán			
	30/06/2014		01/01/2014	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.823.808.329	-	22.189.462.599	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	94.875.557.761	(6.546.089.538)	36.939.646.071	(5.074.654.338)
Đầu tư ngắn hạn	118.776.400	(106.233.500)	118.776.400	(109.786.500)
Đầu tư dài hạn	4.750.000.000	-	4.750.000.000	-
	106.568.142.490	(6.652.323.038)	63.997.885.070	(5.184.440.838)

	Giá trị sổ kế toán	
	30/06/2014 VND	01/01/2014 VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	77.532.169.820	64.425.076.734
Phải trả người bán, phải trả khác	42.807.862.469	24.070.968.808
Chi phí phải trả	3.817.343.004	2.656.004.108
	124.157.375.293	91.152.049.650

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 30/06/2014				
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.823.808.329	-	-	6.823.808.329
Phải thu khách hàng, phải thu khác	88.329.468.223	-	-	88.329.468.223
Đầu tư ngắn hạn	12.542.900	-	-	12.542.900
Đầu tư dài hạn	-	4.750.000.000	-	4.750.000.000
Cộng	95.165.819.452	4.750.000.000	-	99.915.819.452
Tại ngày 01/01/2014				
Tiền và các khoản tương đương tiền	22.189.462.599	-	-	22.189.462.599
Phải thu khách hàng, phải thu khác	31.864.991.733	-	-	31.864.991.733
Đầu tư ngắn hạn	8.989.900	-	-	8.989.900
Đầu tư dài hạn	-	4.750.000.000	-	4.750.000.000
Cộng	54.063.444.232	4.750.000.000	-	58.813.444.232

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 30/06/2014				
Vay và nợ	67.532.169.820	10.000.000.000	-	77.532.169.820
Phải trả người bán, phải trả khác	42.807.862.469	-	-	42.807.862.469
Chi phí phải trả	3.817.343.004	-	-	3.817.343.004
	114.157.375.293	10.000.000.000	-	124.157.375.293
Tại ngày 01/01/2014				
Vay và nợ	54.425.076.734	10.000.000.000	-	64.425.076.734
Phải trả người bán, phải trả khác	24.070.968.808	-	-	24.070.968.808
Chi phí phải trả	2.656.004.108	-	-	2.656.004.108
	81.152.049.650	10.000.000.000	-	91.152.049.650

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

32. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

33. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Do Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực kinh doanh vật tư, sách giáo dục và sách khác, và toàn bộ hoạt động của Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

34. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Công ty đã giao dịch với các bên liên quan như sau:

Mối quan hệ	6 tháng đầu	6 tháng đầu	
	năm 2014	năm 2013	
	VND	VND	
Doanh thu bán hàng			
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Ảnh hưởng đáng kể	52.518.666	272.787.352
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Hà Tây	Công ty liên kết	16.434.610.208	15.860.179.276
Công ty Cổ phần Sách dịch và Từ điển Giáo dục	Công ty liên kết	-	1.380.600
Mua hàng			
Công ty Cổ phần Sách dịch và Từ điển Giáo dục	Công ty liên kết	1.337.008.270	-
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Ảnh hưởng đáng kể	1.180.205.200	851.766.587
Nhà xuất bản Giáo dục tại TP Hà Nội	Trực thuộc NXBGD VN	11.181.352.700	16.076.414.297
Nhà xuất bản Giáo dục tại Đà Nẵng	Trực thuộc NXBGD VN	125.000.000	73.568.000
Nhà xuất bản Giáo dục tại TP Hồ Chí Minh	Trực thuộc NXBGD VN	-	35.399.000
Cổ tức được chia			
Công ty Cổ phần Sách dịch và Từ điển Giáo dục	Công ty liên kết	30.000.000	-

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

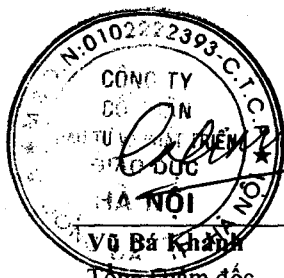
	Mối quan hệ	30/06/2014 VND	01/01/2014 VND
Phải thu			
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Hà Tây	Công ty liên kết	8.854.610.208	-
Phải trả			
Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Trực thuộc NXBGD VN	13.848.683.418	10.369.168.718
Nhà xuất bản Giáo dục tại Đà Nẵng	Trực thuộc NXBGD VN	262.500.000	131.250.000
Công ty Cổ phần Sách dịch và Từ điển Giáo dục	Công ty liên kết	886.555.255	-
Công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành Công	Công ty con	15.408.210.314	13.323.679.404

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	6 tháng đầu năm 2014 VND	6 tháng đầu năm 2013 VND
Thu nhập của Ban Giám đốc và HĐQT	1.163.451.188	916.929.795

35. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính đã được soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013.



Vũ Bá Khanh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2014

Dương Thị Việt Hà
Kế toán trưởng

Nguyễn Phong Yên
Người lập

